

Số: ^{3 9 6 2} /TTTr-BCT

Hà Nội, ngày 01 tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH**Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, các Nghị quyết, Kết luận, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, Bộ Công Thương xin báo cáo Chính phủ việc ban hành Nghị định của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**1. Căn cứ chính trị, pháp lý**

- Nghị quyết 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII.

- Kết luận số 127-KL/TW ngày 28 tháng 02 năm 2025, Kết luận số 130-KL/TW ngày 14 tháng 3 năm 2025, Kết luận số 137-KL/TW ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về việc sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, Kết luận số 157-KL/TW ngày 25 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính (Kết luận số 127-KL/TW, Kết luận số 130-KL/TW, Kết luận số 137-KL/TW, Kết luận số 157-KL/TW);

- Nghị quyết số 190/2025/Qh15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội khoá XV quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp, tổ chức bộ máy;

- Khoản 2 Điều 32 Luật Tổ chức chính phủ 2025; khoản 1 Điều 52 Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2025; khoản 1 Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2025;

- Công văn số 43-CV/BCĐ ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

- Nghị quyết 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

- Quyết định số 758/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 về kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn

vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

- Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

- Công văn 48/CV-BCĐTKNQ18 năm 2025 ngày 03/5/2025 của Ban Chỉ đạo về tổng kết thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW của Chính phủ về việc đẩy mạnh phân quyền, phân cấp theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

- Kế hoạch số 447/KH-CP ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ về xây dựng các nghị định phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền gắn với việc thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

- Văn bản số 2891/BTP-PLHSHC ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Bộ Tư pháp về việc xây dựng, hoàn thiện Nghị định về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền gắn với việc thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

2. Căn cứ thực tiễn

Trên cơ sở các Nghị quyết, Kết luận, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, Luật Tổ chức Chính phủ 2025 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2025 được Quốc hội thông qua và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2025. Tại các Luật này, có quy định chuyển tiếp như sau:

Khoản 2 Điều 32 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025 quy định: “2. Trong thời gian luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chưa được sửa đổi, bổ sung theo thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này, để bảo đảm giải quyết việc phân quyền, phân cấp đối với một số lĩnh vực ưu tiên, cấp bách, giao Chính phủ ban hành văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh một số nhiệm vụ, quyền hạn và quy định khác có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ đang được quy định trong các điều, khoản, điểm có liên quan tại luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để thống nhất áp dụng, định kỳ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội; trường hợp liên quan đến luật, nghị quyết của Quốc hội thì báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.”

Khoản 1 Điều 50 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 quy định: “Kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, để kịp thời đẩy mạnh phân quyền, phân cấp cho chính quyền địa phương trong một số lĩnh vực ưu tiên, cấp bách, giao Chính phủ ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền phân định lại nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương và điều chỉnh các quy định khác có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương để thống nhất áp dụng trong thời gian chưa sửa đổi, bổ sung các luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và định kỳ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội; trường hợp liên quan đến luật, nghị quyết của Quốc hội thì báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.”

Để tổ chức triển khai thi hành các quy định nói trên, Thủ tướng Chính phủ ban

hành Quyết định số 608/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2025 về Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về đẩy mạnh phân quyền, phân cấp theo quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Trong đó, Thủ tướng Chính phủ đã yêu cầu: “*Trên cơ sở nguyên tắc phân định thẩm quyền được quy định tại Luật, xác định rõ nội dung, điều, khoản, điểm có liên quan về phân quyền, phân cấp trong nghị định, nghị quyết do Chính phủ ban hành, làm cơ sở điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và chính quyền địa phương tại các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bảo đảm tính khả thi khi áp dụng trên thực tiễn.*”.

Thực hiện yêu cầu nói trên, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ: “*Đề xuất nội dung văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương đối với một số vấn đề ưu tiên, cấp bách về phân quyền, phân cấp*” với nội dung: “*Căn cứ vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021 - 2025 và 2026 - 2030, yêu cầu đẩy mạnh phân cấp, phân quyền để thực hiện các nhiệm vụ ưu tiên, cấp bách theo chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ xác định nội dung cần điều chỉnh ngay về nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương tại các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trình Chính phủ ban hành nghị định, nghị quyết để quyết định điều chỉnh theo thẩm quyền (khoản 2 Điều 32 Luật Tổ chức Chính phủ và khoản 1 Điều 50 Luật Tổ chức chính quyền địa phương)*”. Triển khai Quyết định số 608/QĐ-TTg nói trên, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Văn bản số 393/TTg-PL chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ xây dựng Nghị định về phân định thẩm quyền giữa cơ quan trung ương và chính quyền địa phương và giữa các cấp chính quyền địa phương.

Với các cơ sở thực tiễn nêu trên, Bộ Công Thương nhận thấy việc xây dựng, ban hành Nghị định của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương là có căn cứ chính trị, pháp lý và cần thiết trong thực tiễn để thực hiện đầy đủ quan điểm, chủ trương của Đảng và các Luật được Quốc hội ban hành.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Thể chế hóa các Kết luận, chủ trương của Đảng về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
2. Tuân thủ quy định về nguyên tắc phân định thẩm quyền, phân cấp, ủy quyền của Luật Tổ chức Chính phủ 2025, Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2025.
3. Đảm bảo các quy định thẩm quyền của chính quyền địa phương trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp; cụ thể hóa nguyên tắc chính quyền địa phương chủ động quyết định, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

- Ngày 24 tháng 3 năm 2025, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ban hành Kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật để tổ chức thực hiện Nghị quyết số 190/2025/NQ-QH15. Trong đó, Kế hoạch yêu cầu các đơn vị thuộc Bộ tiến hành rà soát thực trạng phân cấp, phân quyền trong hệ thống pháp luật ngành Công Thương, đặc biệt là các quy định của pháp luật có quy định thẩm quyền của chính quyền địa phương cấp huyện.

- Ngày 31 tháng 3 năm 2025, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định 891/QĐ-BCT ban hành Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương. Trong đó, Kế hoạch đã yêu cầu các đơn vị thuộc bộ chủ động đề xuất các lĩnh vực ưu tiên, cấp bách để đẩy mạnh phân quyền, phân cấp, tạo hành lang pháp lý, kịp thời xử lý những vấn đề thực tiễn, tháo gỡ “điểm nghẽn” về thể chế, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Ngày 02 tháng 4 năm 2025, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 931/QĐ-BCT ngày 02/4/2025 của Bộ trưởng thành lập Ban chỉ đạo của Bộ Công Thương về rà soát, đánh giá tác động chính sách pháp luật sau sắp xếp tổ chức bộ máy và phương hướng thực hiện các chủ trương, chỉ đạo mới của cấp có thẩm quyền.

- Ngày 28 tháng 4 năm 2025, Bộ Công Thương có Văn bản số 3038/BCT-TCCB gửi Bộ Nội vụ đề nghị thẩm định phương án phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Ngày 28 tháng 4 năm 2025 Bộ Công Thương đã có Văn bản số 3044/BCT-PC gửi các bộ, ngành, địa phương đề nghị nghiên cứu, góp ý đối với hồ sơ dự thảo Nghị định.

- Ngày 20 tháng 5 năm 2025, Bộ Công Thương có Văn bản số 3589/BCT-PC gửi Bộ Tư pháp về việc đề nghị thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị định.

- Ngày 29 tháng 5 năm 2025, Bộ Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định số 191/BCTĐ-BTP gửi Bộ Công Thương.

- Ngày 30 tháng 5 năm 2025, Bộ Công Thương đã có Báo cáo số.../BC-BCT về việc giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH

Dự thảo Nghị định gồm 4 Chương, 22 Điều

1. Bố cục của Nghị định

1.1. Về Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nguyên tắc phân định thẩm quyền: Theo mẫu kèm theo văn bản số 2891/BTP-PLSHC ngày 23 tháng 5 năm 2025.

1.2. Các nội dung về phân định thẩm quyền

- Thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ/thẩm quyền, trách nhiệm trong lĩnh vực hóa chất, kỹ thuật an toàn và môi trường công nghiệp: 01 nhiệm vụ từ cấp huyện xuống cấp xã.

Nội dung phân định thẩm quyền tại Nghị định số 113/2017/NĐ-CP CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2020/NĐ-CP, Nghị định số 82/2022/NĐ-CP và Nghị định số 33/2024/NĐ-CP).

- Thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ/thẩm quyền, trách nhiệm trong lĩnh vực điện lực: 4 nhiệm vụ từ cấp huyện xuống cấp xã.

Nội dung phân định thẩm quyền tại Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực và Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

- Thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ/thẩm quyền, trách nhiệm trong lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng: 02 nhiệm vụ từ cấp huyện xuống cấp xã.

Nội dung phân định thẩm quyền tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo quy định tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017, Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ

- Thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ/thẩm quyền, trách nhiệm trong lĩnh vực quản lý, phát triển cụm công nghiệp: 12 nhiệm vụ từ cấp huyện xuống cấp xã; 6 nhiệm vụ từ cấp huyện lên cấp tỉnh thực hiện.

Nội dung phân định thẩm quyền tại Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

- Thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ/thẩm quyền, trách nhiệm trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng: 01 nhiệm vụ từ cấp huyện xuống cấp xã thực hiện.

Nội dung phân định thẩm quyền tại Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023.

- Thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ/thẩm quyền, trách nhiệm trong lĩnh vực kinh doanh rượu: 07 nhiệm vụ từ cấp huyện xuống cấp xã thực hiện; 01 nhiệm vụ từ cấp huyện lên cấp tỉnh thực hiện.

Nội dung phân định thẩm quyền tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo quy định tại Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ).

- Thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ/thẩm quyền, trách nhiệm trong lĩnh vực kinh doanh khí: 02 nhiệm vụ từ cấp huyện xuống cấp xã thực hiện.

Nội dung phân định thẩm quyền tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo quy định tại Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ).

- Thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ/thẩm quyền, trách nhiệm trong lĩnh vực quản lý chợ: 03 nhiệm vụ từ cấp huyện xuống cấp xã thực hiện.

Nội dung phân định thẩm quyền tại Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về quản lý chợ.

Như vậy, với quy định tại Dự thảo Nghị định, đã thực hiện phân định lại thẩm quyền từ cấp huyện xuống cấp xã là 32 nhiệm vụ; từ cấp huyện lên cấp tỉnh là 7 nhiệm vụ.

Tương ứng 39 nhiệm vụ được phân định thẩm quyền có 21 thủ tục hành chính phải thực hiện (Danh mục thủ tục hành chính kèm theo).

- Về trách nhiệm của Bộ Công Thương và các Bộ, cơ quan liên quan:

+ Trách nhiệm Bộ Công Thương và các bộ, ngành liên quan:

(1) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện việc phân định thẩm quyền theo quy định tại Nghị định này; hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với thực hiện các thủ tục hành chính theo quy định của Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

(2) Trách nhiệm các Bộ, cơ quan liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn phối hợp với Bộ Công Thương hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với thực hiện các thủ tục hành chính theo quy định của Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan. Trong đó, đặc biệt là nhiệm vụ của Bộ Tài chính trong hướng dẫn các nội dung về phí, lệ phí để đảm bảo cấp xã thực hiện nhiệm vụ của mình.

+ Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp gồm:

(1) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao tại Nghị định này; chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Nghị định này. Trường hợp phát sinh vướng mắc, bất cập trong quá trình triển khai thi hành báo cáo các bộ, ngành liên quan đề kịp thời xử lý, tháo gỡ.

(2) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm công bố thủ tục hành chính tại địa phương trên cơ sở quyết định công bố thủ tục hành chính của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

(3) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định tại Nghị định này.

1.3. Về tổ chức thi hành Nghị định

- Về điều khoản chuyển tiếp:

+ Quy định về chuyển tiếp được quy định tại Điều 18 của Dự thảo. Theo đó, để tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp và chính quyền địa phương các cấp trong

quá trình thực hiện, tránh phải sửa đổi số lượng lớn các biểu mẫu, mẫu đơn trong các giấy tờ thực hiện các thủ tục tại cơ quan nhà nước, Dự thảo Nghị định quy định: “(i) Các mẫu đơn, biểu mẫu ban hành kèm theo các Nghị định được quy định trong Nghị định này được điều chỉnh, sử dụng theo thẩm quyền của cơ quan, tổ chức đã được phân định tại Nghị định này; (ii) Đối với những nhiệm vụ, thẩm quyền có thủ tục hành chính, cơ quan, tổ chức, người tiếp nhận nhiệm vụ, thẩm quyền khi thực hiện chính quyền địa phương hai cấp thực hiện thủ tục hành chính như đối với thủ tục hành chính hiện hành, trừ trường hợp được quy định cụ thể tại Nghị định này. Trên cơ sở thủ tục hành chính hiện hành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo thẩm quyền có thể quy định cụ thể phù hợp với tình hình địa phương, nhưng phải bảo đảm không làm tăng thêm thủ tục thành phần hồ sơ, thời hạn, chi phí giải quyết thủ tục hành chính; (iii) Các nội dung công việc, nhiệm vụ đang được Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thụ lý, giải quyết được chuyển giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã gắn với phạm vi địa bàn của người dân, doanh nghiệp tiếp tục thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền, trách nhiệm quy định tại Nghị định này. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm hướng dẫn, điều phối nhiệm vụ này; (iv) Các hồ sơ, giấy tờ đã được cơ quan, người có thẩm quyền phân cấp ban hành trước ngày nghị định này có hiệu lực thi hành và chưa hết hiệu lực hoặc chưa hết thời hạn thì tiếp tục được áp dụng, sử dụng theo thời hạn ghi trên hồ sơ, giấy tờ đó cho đến khi hết thời hạn. Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu được sửa đổi, cấp lại hồ sơ, giấy tờ thì có văn bản đề nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được phân cấp giải quyết; (v) Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện việc phân định thẩm quyền theo quy định tại Nghị định này; hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các thủ tục hành chính theo quy định của Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan; (vi) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức việc phân cấp, ủy quyền trong phạm vi thẩm quyền đã được phân định theo quy định của Nghị định này và quy định của pháp luật về tổ chức chính phủ, tổ chức chính quyền địa phương; (viii) Trường hợp có vướng mắc trong quá trình tổ chức thi hành, Bộ trưởng Bộ Công Thương, Bộ trưởng các Bộ thừa ủy quyền của Chính phủ hướng dẫn áp dụng Nghị định này theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật”.

Quy định này sẽ giải quyết được các vấn đề phát sinh trên thực tiễn trong quá trình thực hiện khi các mẫu đơn, biểu mẫu đều được thiết kế với nơi nhận, người có thẩm quyền ký nhận, giải quyết tại các mẫu đơn, biểu mẫu đó theo quy định của pháp luật trước khi thực hiện việc tổ chức lại bộ máy.

+ Tại mẫu và hướng dẫn sử dụng Dự thảo Nghị định theo văn bản văn bản số 2891/BTP-PLSHC ngày 23 tháng 5 năm 2025 có nội dung yêu cầu phải kèm theo trình tự, thủ tục. Tuy nhiên, dự thảo Nghị định này không quy định cụ thể trình tự, thủ tục theo phân định thẩm quyền tại bố cục Dự thảo Nghị định này, theo đó Bộ Công Thương dự kiến quy định tại Phụ lục kèm theo (theo đúng hướng dẫn của văn bản số 2891/BTP-PLSHC).

+ Dự thảo Nghị định được xây dựng, ban hành với mục đích, yêu cầu về phân định thẩm quyền trong bối cảnh tổ chức lại bộ máy nhà nước. Do vậy, việc ban hành Nghị định không hạn chế việc các cơ quan được phân định lại thẩm quyền có thể tiếp tục thực hiện công tác phân cấp, ủy quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, đảm bảo thực hiện nghiêm túc quan điểm “*địa phương làm, địa phương quyết, địa phương chịu trách nhiệm*” đồng thời đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm tầng nấc trung gian, đẩy nhanh quá trình phục vụ người dân, doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, Dự thảo Nghị định đã bổ sung nội dung: “*Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức việc phân cấp, ủy quyền trong phạm vi thẩm quyền đã được phân định theo quy định của Nghị định này và quy định của pháp luật về tổ chức chính phủ, tổ chức chính quyền địa phương*”.

- **Hiệu lực thi hành của Nghị định:** từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 cho đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2027. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đã được sửa đổi, bổ sung, ban hành mới để phù hợp với việc tổ chức chính quyền 02 cấp thì thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành./.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH GỬI THẨM ĐỊNH

Thực hiện tiến độ, nhiệm vụ theo Kế hoạch số 447/KH-CP ngày 17 tháng 5 năm 2025 đặt ra, ngày 20 tháng 5 năm 2025 Bộ Công Thương xây dựng, hoàn thiện dự thảo Nghị định gửi Bộ Tư pháp thẩm định đúng thời hạn. Tuy nhiên để việc xây dựng Nghị định đạt hiệu quả cao nhất, bảo đảm được tối đa tính đồng bộ, thống nhất, không để sót nhiệm vụ, thẩm quyền của chính quyền địa phương và gián đoạn thẩm quyền sau khi tổ chức mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, Bộ Công Thương đã tiếp tục rà soát:

(i) Bổ sung dự thảo Nghị định một số nhiệm vụ, thẩm quyền theo quy định tại Nghị định số 60/2024/NĐ-CP:

“Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong lĩnh vực quản lý chợ

Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 8 Điều 38; điểm 1 Mục I, Phụ lục II ; Mục V Phụ lục II Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về quản lý chợ”.

Về các nội dung khác liên quan đến thẩm quyền của chính quyền địa phương cấp huyện trong việc quản lý chợ: Hiện nay Bộ Tài chính đang chủ trì xây dựng dự thảo Nghị định quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công, trong đó các nội dung về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý chợ theo quy định tại Chương IV Nghị định số 60/2024/NĐ-CP đang Bộ Tài chính đề xuất xử lý chung với lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công. Vì vậy dự thảo Nghị định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương chỉ

“khoanh vùng” xử lý phân định thẩm quyền đối với điểm a khoản 8 Điều 38, điểm 1 Mục I và Mục V Phụ lục II Nghị định số 60/2024/NĐ-CP.

(ii) Bổ sung, thay thế Điều 4 dự thảo Nghị định nhiệm vụ, thẩm theo quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP:

“Điều 4. Thẩm quyền trong lĩnh vực điện lực

Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện quy định tại khoản 5 Điều 7 Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện”.

Việc bổ sung, thay thế Điều 4 dự thảo Nghị định đảm bảo nguyên tắc bao quát, đầy đủ, đồng bộ thẩm quyền, trách nhiệm được phân định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VÀ THỜI GIAN THÔNG QUA NGHỊ ĐỊNH

Việc xây dựng Nghị định dự kiến phát sinh nguồn lực về kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng Nghị định; phổ biến, tuyên truyền; tổ chức triển khai thi hành Nghị định.

Về điều kiện đảm bảo: Ngân sách nhà nước đảm bảo chi phí tổ chức triển khai thi hành Nghị định. Hiệu quả của Nghị định phụ thuộc vào hiệu quả tổng thể của việc sắp xếp chính quyền địa phương 2 cấp; mô hình, tổ chức bộ máy, năng lực thực thi, nguồn lực ngân sách của chính quyền địa phương cấp xã.

Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính có trách nhiệm phân bổ nguồn lực phù hợp với tính chất, mức độ, số lượng nhiệm vụ tương ứng với số lượng nhiệm vụ được phân định lại trên cơ sở Nghị định này.

Nghị định dự kiến có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

VII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ)

- Về một số nội dung thuộc thẩm quyền của cấp huyện nhưng không làm phát sinh thủ tục, thẩm quyền, trách nhiệm khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp (do các quy định hiện hành quy định nhiệm vụ, quyền hạn đối với cả 3 cấp). Vì vậy các nội dung này sẽ được cập nhật để phục vụ việc sửa đổi, bổ sung tại các văn bản quy phạm pháp luật cụ thể, có liên quan.

- Về thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện đã được giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp trong một số trường hợp cụ thể tại các văn bản quy phạm pháp luật trước đây, Bộ Công Thương cho rằng về bản chất, nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được phân cấp cho cấp huyện, tới đây do chính quyền địa phương cấp xã kế thừa, thực hiện. Tuy nhiên thực tế quản lý nhà nước có một số lĩnh vực mang tính giao thoa về quy mô, địa bàn (như trong lĩnh vực quản lý nhà nước về thủy điện tại Điều 8 thì đối với các hồ chứa thủy điện trên địa bàn 1 huyện, khi bỏ chính quyền cấp huyện sẽ thuộc nhiều xã nên 1 xã sẽ không thể thực hiện được đầy đủ nhiệm vụ mà huyện đang thực hiện). Theo đó để đảm bảo việc phân định thẩm quyền được đầy đủ, đồng bộ,

kín kẽ, Bộ Công Thương dự kiến xây dựng Điều 8 dự thảo Nghị định theo hướng ngoài việc phân định thẩm quyền cụ thể, Nghị định cần có thêm khoản “quét thẩm quyền, nhiệm vụ” như quy định tại khoản 2 Điều 8 dự thảo Nghị định nhằm không bỏ sót, tạo ra khoảng trống về thẩm quyền, nhiệm vụ quản lý nhà nước theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

- Về liên quan cắt giảm thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh: Bộ Công Thương đã rà soát kỹ, đầy đủ các quy định liên quan tới thủ tục hành chính và có phương án cắt giảm, đơn giản hóa. Tuy nhiên, dự thảo Nghị định chưa thể tích hợp việc thực hiện cắt giảm tối đa đơn giản hóa tối đa thành phần hồ sơ và thực thi các phương án về đơn giản hóa thủ tục hành chính vì theo hướng dẫn tại văn bản số 2891/BTP-PLSHC ngày 23/5/2025 của Bộ Tư pháp chưa cho phép “*sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật hiện hành*”. Qua rà soát, việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính đề sẽ dẫn đến phải điều chỉnh, sửa đổi quy định hiện hành. Do vậy, Bộ Công Thương chưa đề xuất việc cắt giảm, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính tại dự thảo Nghị định. Trường hợp Chính phủ có chỉ đạo chung cho phép sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ điều, khoản, điểm của văn bản chuyên ngành, Bộ Công Thương sẽ đề xuất việc cắt giảm, đơn giản hóa tối đa (bãi bỏ một số thủ tục hành chính, cắt giảm ngay điều kiện kinh doanh và giấy tờ thực hiện thủ tục hành chính).

Trên đây là Tờ trình của Bộ Công Thương về việc xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

Bộ Công Thương kính báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (1) *Dự thảo Nghị định*; (2) *Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp*; (3) *Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp* (4) *Bản tổng hợp ý kiến góp ý của Bộ Nội vụ và các Bộ ngành, địa phương*). *on*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, PC (KhuongNV).



Nguyễn Hồng Diên

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về:

1. Phân định nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

2. Trình tự, thủ tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp tỉnh, cấp xã được phân định theo quy định của Nghị định này.

Điều 2. Nguyên tắc phân định thẩm quyền

1. Bảo đảm phù hợp với quy định của Hiến pháp, phù hợp với các nguyên tắc, quy định về phân định thẩm quyền, phân quyền, phân cấp của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Bảo đảm phân định nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cấp chính quyền địa phương phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn và năng lực của cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân định; không trùng lặp, chồng chéo, bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa chính quyền địa phương các cấp và giữa

các cơ quan, tổ chức thuộc chính quyền địa phương.

3. Bảo đảm phân định rõ thẩm quyền giữa Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân; phân định rõ thẩm quyền chung của Ủy ban nhân dân và thẩm quyền riêng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

4. Bảo đảm cơ sở pháp lý cho hoạt động bình thường, liên tục, thông suốt của cơ quan, xã hội, người dân và doanh nghiệp; bảo đảm quyền con người, quyền công dân; tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong việc tiếp cận thông tin, thực hiện các quyền, nghĩa vụ và các thủ tục theo quy định của pháp luật.

5. Bảo đảm tính thống nhất trong tổ chức thi hành Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và thực hiện có hiệu quả việc kiểm soát quyền lực gắn với trách nhiệm kiểm tra, thanh tra, giám sát của cơ quan nhà nước cấp trên.

6. Bảo đảm không ảnh hưởng đến việc thực hiện các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

7. Nguồn lực thực hiện nhiệm vụ phân định thẩm quyền do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định.

Điều 3. Về phí, lệ phí

Các thủ tục hành chính khi giải quyết mà phải nộp phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí thì khi người dân, tổ chức nộp hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính đồng thời nộp phí, lệ phí cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Mức phí, lệ phí, việc quản lý, sử dụng phí, lệ phí thực hiện theo quy định của Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đối với phí, lệ phí tương ứng.

Chương II

PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN KHI TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP TRONG LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP

Điều 4. Thẩm quyền trong lĩnh vực điện lực

1. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện quy định tại khoản 5 Điều 7 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình hạ du đập thủy điện được theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 5. Thẩm quyền trong lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng

1. Thẩm quyền cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy phép bán lẻ sản

phẩm thuốc lá quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28; Điều 43 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương (sau đây gọi chung là Nghị định số 67/2013/NĐ-CP) do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 6. Thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý, phát triển cụm công nghiệp

Thẩm quyền đề xuất xây dựng phương án phát triển, thành lập, mở rộng cụm công nghiệp trên địa bàn; hỗ trợ chủ đầu tư triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, quản lý hiệu quả các cụm công nghiệp trên địa bàn; tiếp nhận, giải quyết hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết các thủ tục triển khai dự án đầu tư vào cụm công nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 34; thẩm quyền quyết định hỗ trợ đầu tư hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền quyết định hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài cụm công nghiệp; phê duyệt, thực hiện kế hoạch di dời doanh nghiệp, cơ sở sản xuất vào cụm công nghiệp và hoạt động phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn quy định tại khoản 2 Điều 34; thẩm quyền thanh tra, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất, xử lý vi phạm pháp luật về đất đai, đầu tư, xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và các quy định khác về cụm công nghiệp trên địa bàn theo thẩm quyền; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Sở Công Thương về tình hình cụm công nghiệp trên địa bàn quy định tại khoản 3 Điều 34 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

Điều 7. Thẩm quyền trong lĩnh vực sản xuất rượu

1. Thẩm quyền cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, Giấy phép bán lẻ rượu trên địa bàn trong lĩnh vực sản xuất rượu quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều 25; Điều 33 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2020/NĐ-CP (sau đây gọi chung là Nghị định số 105/2017/NĐ-CP) do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh được quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu được quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong quản lý nhà nước trong lĩnh vực điện lực

1. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực điện lực quy định tại khoản 3 Điều 22; khoản 2 Điều 45; khoản 6 Điều 51 của Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 62/2025/NĐ-CP trong lĩnh vực bảo vệ công trình điện lực ngoài các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong quản lý nhà nước trong lĩnh vực hóa chất

Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực hóa chất quy định tại điểm g khoản 6 Điều 20 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2020/NĐ-CP, Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học (sau đây gọi chung là Nghị định số 113/2017/NĐ-CP).

Điều 10. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng

Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng quy định tại khoản 2 Điều 41 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP.

Điều 11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý, phát triển cụm công nghiệp

Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý, phát triển cụm công nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 5; khoản 1 Điều 7; điểm a khoản 1 Điều 9; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 10; khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 17; khoản 5 Điều 19; khoản 4 Điều 23; khoản 2, khoản 3 Điều 24; khoản 3 Điều 29 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP.

Điều 12. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong quản lý nhà

nước trong lĩnh vực quản lý, phát triển cụm công nghiệp

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thực hiện các quy định liên quan đến địa bàn cấp huyện, liên huyện trong lĩnh vực quản lý, phát triển cụm công nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 2; điểm c khoản 2 Điều 4; điểm b khoản 1 Điều 6; điểm a, điểm c khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 8; điểm a khoản 1 Điều 9; khoản 4 Điều 10 và sắp xếp, xử lý các đơn vị đã được giao làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp quy định tại khoản 3 Điều 35 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP.

Chương III

PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN KHI TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP TRONG LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI

Điều 13. Thẩm quyền trong lĩnh vực kinh doanh rượu

Thẩm quyền tiếp nhận báo cáo tình hình sản xuất rượu thủ công bán cho cơ sở có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại trên địa bàn xã trong lĩnh vực kinh doanh rượu quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

Điều 14. Thẩm quyền trong lĩnh vực kinh doanh khí

1. Thẩm quyền cấp, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai trong lĩnh vực kinh doanh khí quy định tại khoản 3 Điều 44; Điều 45; Điều 46 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2020/NĐ-CP và Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá (sau đây gọi chung là Nghị định số 87/2018/NĐ-CP) do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai được quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 15. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong lĩnh vực kinh doanh rượu

Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực kinh doanh rượu quy định tại khoản 2 Điều 4; khoản 2 Điều 14; khoản 3 Điều 31a; khoản 3 Điều 31b; khoản 2 Điều 31c; khoản 3 Điều 32; khoản 6 Điều 38 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP.

Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong lĩnh vực kinh doanh khí

Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực kinh doanh khí quy định tại khoản 3 Điều 59 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP.

Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong lĩnh vực quản lý chợ

Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý chợ quy định tại điểm a khoản 8 Điều 38; điểm 1 Mục I Phụ lục II; Mục V Phụ lục II Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ.

Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng quy định tại điểm a, b, c, d, e, g khoản 2 Điều 77 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Trách nhiệm của Bộ Công Thương và Thủ trưởng các cơ quan liên quan

1. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan tổ chức thực hiện việc phân định thẩm quyền theo quy định tại Nghị định này; hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các thủ tục hành chính theo quy định của Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức việc phân cấp, ủy quyền trong phạm vi thẩm quyền đã được phân định theo quy định của Nghị định này và quy định của pháp luật về tổ chức chính phủ, tổ chức chính quyền địa phương.

3. Trường hợp có vướng mắc trong quá trình tổ chức thi hành, Bộ trưởng Bộ Công Thương, Bộ trưởng các Bộ thừa ủy quyền của Chính phủ hướng dẫn áp dụng Nghị định này theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 20. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện thẩm quyền, trách nhiệm được giao tại Nghị định này; chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện thẩm quyền, trách nhiệm theo quy định tại Nghị định này. Báo cáo Bộ Công Thương kết quả thực hiện trước ngày 10 tháng 12 hằng năm.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm công bố thủ tục hành chính tại địa phương trên cơ sở quyết định công bố thủ tục hành chính của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện thẩm quyền, trách nhiệm được giao theo quy định tại Nghị định này. Báo cáo kết quả thực hiện

về Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 30 tháng 11 hằng năm.

Trường hợp phát sinh vướng mắc, bất cập trong quá trình triển khai thi hành, các chủ thể được phân định thẩm quyền báo cáo các bộ, ngành liên quan để kịp thời xử lý, tháo gỡ.

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.
2. Nghị định này hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027 trừ các trường hợp sau:

a) Bộ, cơ quan ngang Bộ báo cáo Chính phủ đề xuất và được Quốc hội quyết định kéo dài thời gian áp dụng toàn bộ hoặc một phần Nghị định này;

b) Luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định này được thông qua hoặc ban hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực trước ngày 01 tháng 3 năm 2027 thì các quy định tương ứng trong Nghị định này hết hiệu lực tại thời điểm các văn bản quy phạm pháp luật đó có hiệu lực.

3. Trong thời gian các quy định của Nghị định này có hiệu lực, nếu quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục trong Nghị định này khác với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Điều 22. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các mẫu đơn, biểu mẫu ban hành kèm theo các Nghị định được quy định trong Nghị định này được điều chỉnh, sử dụng theo thẩm quyền của cơ quan, tổ chức đã được phân định tại Nghị định này.

2. Đối với những nhiệm vụ, thẩm quyền có thủ tục hành chính, cơ quan, tổ chức, người tiếp nhận nhiệm vụ, thẩm quyền khi thực hiện chính quyền địa phương hai cấp thực hiện thủ tục hành chính như đối với thủ tục hành chính hiện hành, trừ trường hợp được quy định cụ thể tại Nghị định này. Trên cơ sở thủ tục hành chính hiện hành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo thẩm quyền có thể quy định cụ thể phù hợp với tình hình địa phương, nhưng phải bảo đảm không làm tăng thêm thủ tục thành phần hồ sơ, thời hạn, chi phí giải quyết thủ tục hành chính.

3. Các nội dung công việc, nhiệm vụ đang được Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thụ lý, giải quyết được chuyển giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã gắn với phạm vi địa bàn của người dân, doanh nghiệp tiếp tục thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền, trách nhiệm quy định tại Nghị định này. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm hướng dẫn, điều phối nhiệm vụ này.

4. Các hồ sơ, giấy tờ đã được cơ quan, người có thẩm quyền phân cấp ban hành trước ngày nghị định này có hiệu lực thi hành và chưa hết hiệu lực hoặc chưa hết thời hạn thì tiếp tục được áp dụng, sử dụng theo thời hạn ghi trên hồ sơ, giấy tờ đó cho đến khi hết thời hạn. Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu được sửa đổi, cấp lại hồ sơ, giấy tờ thì có văn bản đề nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được phân cấp giải quyết.

5. Một số nội dung thuộc thẩm quyền của cấp huyện nhưng không làm phát sinh thủ tục, thẩm quyền, trách nhiệm khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp sẽ được cập nhật để phục vụ việc sửa đổi, bổ sung tại các văn bản quy phạm pháp luật cụ thể, có liên quan.

6. Các nội dung công việc, nhiệm vụ, thẩm quyền, thủ tục khác thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương không quy định tại Nghị định này được tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. ./stg

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính (Bộ Tư pháp);
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương;
- Các đơn vị thuộc Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, (2b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính

Phụ lục I

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ THIÊN TAI CHO CÔNG TRÌNH HẠ DU ĐẬP THỦY ĐIỆN THUỘC THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

(Kèm theo Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ)

1. Chủ đầu tư xây dựng đập, hồ chứa nước đề nghị phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt hạng mục nhà máy thủy điện. Hồ sơ bao gồm:

- a) Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập;
- b) Dự thảo phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập;
- c) Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật;
- d) Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan;
- đ) Các tài liệu khác liên quan kèm theo (nếu có).

2. Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án ứng phó thiên tai đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn 01 xã. Đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên và theo điểm c khoản 5 Điều 7 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án ứng phó thiên tai.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt phương án để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định;

4. Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp xã trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản.

Phụ lục II**TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP, CẤP LẠI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

(Kèm theo Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ)

I. Trình tự, thủ tục cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

1. Điều kiện cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá:

- a) Thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;
- b) Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012;

2. Thương nhân đủ điều kiện cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá lập 02 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 27 của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP, 01 bộ gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt trụ sở chính, thương nhân lưu 01 bộ. Hồ sơ bao gồm:

- a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá;
- b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;
- c) Bản sao các văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xem xét, kiểm tra, thẩm định và cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

4. Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung hồ sơ.

II. Trình tự, thủ tục cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

1. Đối với trường hợp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp hết thời hạn hiệu lực, trước thời điểm hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày, thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá nộp hồ sơ xin cấp lại giấy phép trong trường hợp tiếp tục kinh doanh đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt trụ sở chính. Hồ sơ, trình tự thủ tục cấp lại như đối với trường hợp cấp mới.

2. Trường hợp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy, thương nhân được cấp phép phải lập, nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại tới Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp lại;

b) Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (nếu có).

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét và cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Trường hợp tổ chức, cá nhân không đáp ứng được điều kiện theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp phép sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

III. Trình tự, thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

1. Trường hợp có thay đổi các nội dung của Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, tổ chức, cá nhân phải lập, nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt trụ sở chính. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung;

b) Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp;

c) Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Trường hợp tổ chức, cá nhân không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

Phụ lục III**TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP, CẤP LẠI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP SẢN XUẤT RƯỢU THỦ CÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH
KINH DOANH**

(Kèm theo Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ)

I. Trình tự, thủ tục cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

1. Thương nhân đủ điều kiện quy định tại Điều 9 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thương nhân đặt cơ sở sản xuất. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP;

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh;

c) Bản sao Bản công bố sản phẩm rượu hoặc bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm (đối với rượu chưa có quy chuẩn kỹ thuật); bản sao Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, trừ trường hợp đối với cơ sở thuộc loại kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ theo quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm;

d) Bản liệt kê tên hàng hóa rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa rượu mà tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc dự kiến sản xuất.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, thẩm định và cấp giấy phép cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã phải có văn bản yêu cầu bổ sung.

II. Trình tự, thủ tục cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

1. Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực

Thương nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thương nhân đặt cơ sở sản xuất trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày. Hồ sơ, thẩm quyền, thủ tục cấp lại đối với quy định lại khoản này áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới.

2. Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng

a) Thương nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến

(nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thương nhân đặt cơ sở sản xuất. Hồ sơ bao gồm: Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP và bản gốc hoặc bản sao giấy phép đã cấp (nếu có);

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào hồ sơ đã lưu và hồ sơ đề nghị cấp lại của thương nhân để xem xét và cấp lại giấy phép theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP. Thời hạn của giấy phép được giữ nguyên như cũ.

Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã phải có văn bản yêu cầu bổ sung. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

III. Trình tự, thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

1. Trường hợp có thay đổi các nội dung của giấy phép, thương nhân phải nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thương nhân đặt cơ sở sản xuất.

2. Hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP;

b) Bản sao giấy phép đã được cấp;

c) Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP. Trường hợp từ chối cấp sửa đổi, bổ sung phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã sửa đổi, bổ sung giấy phép phải có văn bản yêu cầu bổ sung.

Phụ lục IV**TRÌNH TỰ THỦ TỤC CẤP, CẤP LẠI, SỬA ĐỔI,
BỔ SUNG GIẤY PHÉP BÁN LẺ RƯỢU**

(Kèm theo Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ)

I. Trình tự, thủ tục cấp Giấy phép bán lẻ rượu**1. Điều kiện bán lẻ rượu**

a) Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật.

b) Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng.

c) Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.

2. Thương nhân đủ điều kiện bán lẻ rượu nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thương nhân đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ rượu theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP.

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh.

c) Bản sao hợp đồng thuê/mượn hoặc tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp cơ sở dự kiến làm địa điểm bán lẻ.

d) Bản sao văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, thẩm định và cấp giấy phép cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã phải có văn bản yêu cầu bổ sung.

II. Trình tự, thủ tục cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu**1. Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực**

Thương nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thương nhân đặt trụ sở chính trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày. Hồ sơ, thẩm quyền, thủ tục cấp lại đối với quy định tại khoản này áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới.

2. Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng

a) Thương nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thương nhân đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm: Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP và bản gốc hoặc bản sao giấy phép đã cấp (nếu có).

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào hồ sơ đã lưu và hồ sơ đề nghị cấp lại của thương nhân để xem xét và cấp lại giấy phép theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP. Thời hạn của giấy phép được giữ nguyên như cũ.

Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã phải có văn bản yêu cầu bổ sung. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

III. Trình tự, thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu

1. Trường hợp có thay đổi các nội dung của giấy phép, thương nhân phải nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thương nhân đặt trụ sở chính.

2. Hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP;

b) Bản sao giấy phép đã được cấp;

c) Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP. Trường hợp từ chối cấp sửa đổi, bổ sung phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã sửa đổi, bổ sung giấy phép phải có văn bản yêu cầu bổ sung.

Phụ lục V**TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP, CẤP LẠI, ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN CỦA HÀNG BÁN LẺ LPG CHAI**

(Kèm theo Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ)

I. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai

1. Thương nhân đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 10 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt địa điểm kinh doanh.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai bao gồm:

a) Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai theo Mẫu số 05 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP.

b) Bản sao hợp đồng bán LPG chai với thương nhân có giấy chứng nhận đủ điều kiện còn hiệu lực.

c) Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy.

3. Trường hợp thương nhân chưa đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.

4. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Thương nhân khi nộp hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện phải nộp phí thẩm định điều kiện kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực thương mại theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.

6. Giấy chứng nhận đủ điều kiện có thời hạn hiệu lực là 10 năm kể từ ngày cấp mới.

II. Trình tự, thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai

1. Trong trường hợp cần cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 45 Nghị định 87/2018/NĐ-CP, thương nhân gửi Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt địa điểm kinh doanh.

2. Trên cơ sở kiểm tra hồ sơ cấp Giấy chứng nhận được lưu, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã cấp lại Giấy chứng nhận. Nội dung, thời hạn Giấy chứng nhận cấp lại không thay đổi. Giấy chứng nhận cấp lại phải có quy định hủy bỏ hiệu lực của Giấy chứng nhận bị mất, sai sót, hư hỏng.

III. Trình tự, thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai

1. Trong trường hợp cần điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 45 Nghị định 87/2018/NĐ-CP, thương nhân gửi Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP và giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt địa điểm kinh doanh;

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận. Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận không thay đổi./.

